

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2016
tại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định

Thực hiện Quyết định số 255/QĐ-STC ngày 21/9/2017 của Giám đốc Sở Tài chính về việc thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2016 tại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định và Kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh theo quy định.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2016 tại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh của Đoàn thanh tra, các văn bản giải trình của Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và của Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

PHẦN I: ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Ban GPMB tỉnh là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh được thành lập theo Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND tỉnh trên cơ sở kiện toàn Ban Quản lý GPMB và Phát triển Quỹ đất tỉnh;

Ban được tổ chức và hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban GPMB tỉnh Bình Định được ban hành theo Quyết định số 3245/QĐ-UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh;

Việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ đối với Ban Quản lý GPMB và Phát triển Quỹ đất tỉnh giai đoạn 2013 - 2015 được thực hiện theo Quyết định số 4033/QĐ-UBND ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh và Công văn số 1847/UBND-TH ngày 17/5/2016 của UBND tỉnh về việc tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ (nay được thay thế bằng Nghị định số 141/2016/NĐ-CP) đối với Ban GPMB tỉnh.

2. Chức năng, nhiệm vụ:

Ban GPMB tỉnh có chức năng giúp UBND tỉnh tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng các dự án quan trọng, quy mô lớn, tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phân công của UBND tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc thực hiện nhiệm vụ giải

phóng mặt bằng; thực hiện dịch vụ công trong công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh (trừ các dự án nằm trong Khu kinh tế Nhơn Hội).

3. Cơ cấu tổ chức, bộ máy:

Năm 2016, Ban GPMB tỉnh được UBND tỉnh giao 25 biên chế sự nghiệp theo Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 29/01/2016.

Tổ chức bộ máy của Ban gồm: Lãnh đạo Ban và 03 phòng chuyên môn với 37 CBCCVC và người lao động. Trong đó:

- Lãnh đạo Ban: 01 Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban.
- Phòng Hành chính - Tổng hợp: 10 người.
- Phòng Giải phóng mặt bằng: 18 người.
- Phòng Hạ tầng và Tái định cư: 06 người.

4. Đặc điểm và mô hình tổ chức công tác tài chính, kế toán:

Theo quy định của UBND tỉnh, Ban GPMB tỉnh thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ (nay được thay thế bằng Nghị định số 141/2016/NĐ-CP). Ban có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại KBNN tỉnh để hoạt động theo quy định.

Ban GPMB tỉnh thực hiện Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, được sửa đổi theo Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính và sử dụng phần mềm kế toán Misa thực hiện công tác hạch toán, kế toán.

Ban GPMB tỉnh là đơn vị dự toán cấp I, được UBND tỉnh giao dự toán sau khi đã được Sở Tài chính thẩm tra. Hàng năm, Sở Tài chính tổ chức xét duyệt quyết toán theo niên độ ngân sách do Ban báo cáo.

Hiện nay bộ phận kế toán của Ban gồm 05 người trong đó 04 kế toán chuyên trách và 01 thủ quỹ.

5. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động:

- Thuận lợi:

+ Được sự lãnh đạo sâu sát, kịp thời của UBND tỉnh, sự phối hợp, hỗ trợ của Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan, đơn vị đã chủ động tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao.

- Về cơ bản đơn vị đã xây dựng dự toán chi ngân sách theo chế độ, định mức chi của Nhà nước, đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định, việc chi ngân sách và sử dụng từng loại kinh phí được quản lý, kiểm soát theo đúng mục đích, dự toán đã góp phần tăng cường giám sát việc chi tiêu, nâng cao hiệu quả công tác, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho viên chức, người lao động và tiết kiệm, tăng thu nhập cơ quan.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ các dự án được thực hiện ngày càng chặt chẽ, theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Khó khăn:

+ Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thường phát sinh vướng mắc, khiếu nại làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai một số dự án chậm; bên cạnh đó việc triển khai các dự án trên địa bàn tỉnh gần như cùng một thời điểm trong khi lực lượng tư vấn, thi công còn hạn chế làm cho việc lập các thủ tục, hồ sơ dự án còn chậm và thiếu sót.

+ Theo hướng dẫn tại Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính; việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là tính theo dự án nên đơn vị không thực hiện được tự chủ tài chính đối với nguồn kinh phí này.

PHẦN 2: KẾT QUẢ THANH TRA

1. Thanh tra các nguồn kinh phí phục vụ hoạt động Ban GPMB:

1.1. Thanh tra việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

a) Về thủ tục, quy trình:

Căn cứ các quy định hiện hành, Trường ban Ban GPMB tỉnh đã ký Quyết định số 09/QĐ-BGPMB ngày 29/01/2016 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ sau khi Hội nghị cán bộ viên chức năm 2016 thảo luận và ra Nghị quyết số 01/NQ-BGPMB ngày 11/01/2016. Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi, bổ sung một số điều và ban hành theo Quyết định số 47/QĐ-BGPMB ngày 31/3/2016. Quy chế chi tiêu nội bộ được công khai trong cơ quan và gửi Kho bạc Nhà nước Bình Định để kiểm soát chi, gửi Sở Tài chính để theo dõi, giám sát.

Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban GPMB tỉnh ban hành đúng về thời gian, thủ tục, thẩm quyền.

b) Về nội dung:

Quy chế chi tiêu nội bộ về cơ bản được xây dựng đầy đủ, chặt chẽ, chi tiết, quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục và mức chi nhưng cũng còn một số tồn tại như sau:

- Tại Khoản 3, Điều 1 của Quy chế, đơn vị quy định chi khoản trang phục cho cán bộ, viên chức 1.000.000 đồng/người/năm: Nội dung chi này không có chế độ Nhà nước quy định đối với cơ quan Ban GPMB tỉnh nhưng đơn vị quy định chi trực tiếp từ nguồn kinh phí NSNN cấp (khoản chi) là việc xây dựng Quy chế không đúng theo quy định tại Tiết a, Điểm 2.1, Khoản 2, Mục VIII và Tiết g, Khoản 2 Phụ lục số 01 của Thông tư số 71 2006/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43-2006 ND-CP.

- Tại Khoản 5.2.1, Điều 5 và Khoản 5.5, Điều 5 của Quy chế, đơn vị quy định các nội dung chi khác như: hỗ trợ kinh phí cho Đoàn thanh niên, Công đoàn, hỗ trợ cho cán bộ, viên chức dự hội nghị 200.000 đồng/người được chi trực tiếp từ nguồn kinh phí NSNN cấp (khoản chi) là việc xây dựng Quy chế không đúng theo quy định tại Tiết a, Điểm 2.1, Khoản 2 và Khoản 4, Mục VIII của Thông tư số 71 2006 TT-BTC.

- Tại Khoản 4, Điều 1 của Quy chế, đơn vị quy định mức chi trợ cấp đi nghiên cứu thực tế cho học viên học trung cấp, cao cấp lý luận chính trị thanh toán theo chế độ công tác phí quy định tại Quyết định số 486/QĐ-UBND là không phù hợp mà phải thực hiện theo quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo (đơn vị ban hành nhưng chưa thực hiện).

- Chưa quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức quy định theo như quy định tại Điểm p, Mục 2, Phụ lục số 01 của Thông tư số 71/2006/TT-BTC.

c) Việc thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Nhìn chung, đơn vị đã thực hiện theo các quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ, chi đúng nội dung, tiêu chuẩn, định mức. Tuy nhiên do một số nội dung của Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chưa phù hợp, chưa đúng quy định như đã nêu trên nên đã dẫn đến việc thực hiện bị sai sót (chi tiết được nêu cụ thể trong các nội dung thanh tra dưới đây).

1.2. Thanh tra việc lập, giao dự toán và quyết toán ngân sách:

a) Việc lập, giao dự toán ngân sách:

Căn cứ Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2016, Ban GPMB tỉnh lập phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016 theo Công văn số 06/BGPMB-HC ngày 06/01/2016 gửi Sở Tài chính thẩm tra và được Sở Tài chính thống nhất theo Thông báo số 26/TB-STC-HCSN ngày 11/01/2016.

Các trường hợp bổ sung, điều chỉnh dự toán trong năm cũng được thực hiện theo trình tự như trên.

Cơ bản việc lập, giao dự toán NSNN năm 2016 thực hiện theo quy định.

b) Quyết toán:

Ban GPMB tỉnh thực hiện lập báo cáo quyết toán thu, chi NSNN năm 2016 theo quy định và gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm 2016 tại Ban GPMB tỉnh theo Thông báo số 105/TB-STC ngày 18/5/2017.

1.3. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ tự chủ về tài chính:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp để thực hiện chế độ tự chủ về tài chính được giao dự toán, bổ sung dự toán theo các Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015, số 1350/QĐ-UBND ngày 25/04/2016 của UBND tỉnh. Số liệu kiểm tra như sau:

Stt	Nội dung	Số BCQT	Số Kiểm tra	DVT: Đồng
				Chênh lệch (KT-BCQT)
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0

II	Dự toán được giao (kể cả bổ sung)	1.519.691.000	1.519.691.000	0
-	Chi thường xuyên bộ máy	1.469.753.000	1.469.753.000	0
-	10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại đơn vị thực hiện CCTL	49.938.000	49.938.000	0
IV	Kinh phí đề nghị quyết toán	1.517.668.491	1.517.668.491	0
-	Chi thường xuyên bộ máy	1.340.093.000	1.138.840.000	-201.253.000
-	Chênh lệch thu chi hoạt động thường xuyên	129.660.000	330.913.000	201.253.000
+	Trả thu nhập tăng thêm	89.660.000	89.660.000	0
+	Trích lập các quỹ	40.000.000	241.253.000	201.253.000
-	10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại đơn vị thực hiện CCTL	47.915.491	47.915.491	0
V	Kinh phí chuyển sang năm sau	2.022.509	2.022.509	0
-	10% tiết kiệm chi thường xuyên để lại đơn vị thực hiện CCTL	2.022.509	2.022.509	0

Nguyên nhân chênh lệch (chi tiết xem Biểu số 1, Biểu số 4):

- Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy: (-) 201.253.000 đồng. Cụ thể:

+ Chi tiền trang phục cho cán bộ, viên chức cơ quan số tiền (-) 37.000.000 đồng, khoản chi này chưa được Nhà nước quy định trang phục cho cán bộ, công chức lĩnh vực giải phóng mặt bằng, nhưng Ban GPMB chi trực tiếp từ nguồn chi thường xuyên là thực hiện không đúng theo quy định tại Tiết a, Điểm 2.1, Khoản 2, Mục VIII và Tiết g, Khoản 2, Phụ lục số 01 của Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính.

+ Một số nội dung chi có tính chất phúc lợi như: chi tiền nhân dịp các ngày lễ, tết cho cán bộ viên chức, hỗ trợ cán bộ, viên chức dự hội nghị, hỗ trợ kinh phí hoạt động của Đoàn thanh niên, Công đoàn, chi phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng.... số tiền (-) 164.253.000 đồng, theo quy định, đơn vị được phép chi từ nguồn Quỹ khen thưởng, phúc lợi cơ quan. nhưng đơn vị chi trực tiếp từ nguồn chi thường xuyên (chi trước khi xác định kết quả hoạt động tài chính) là chưa đúng theo Thông tư số 71/2006 TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính.

- Điều chỉnh giảm các khoản chi có tính chất phúc lợi từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (-201.253.000 đồng), tăng phần chênh lệch thu chi hoạt động thường xuyên (+201.253.000 đồng) mà cụ thể là tăng nguồn trích lập các quỹ để có nguồn kinh phí quyết toán các khoản chi có tính chất phúc lợi đã chi sai nguồn nêu trên.

- Năm 2016, Ban GPMB tình có tính toán, xác định số chênh lệch thu, chi của hoạt động thường xuyên để chi trả thu nhập tăng thêm và thực hiện trích lập các quỹ nhưng chưa hạch toán, theo dõi vào tài khoản ngoài bảng 004 "chênh lệch thu, chi hoạt động thường xuyên" là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 11 của

Thông tư số 185/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC.

1.4. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cấp không thực hiện chế độ tự chủ về tài chính:

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp không thực hiện chế độ tự chủ về tài chính được giao dự toán, bổ sung dự toán theo các Quyết định số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015, số 1350/QĐ-UBND ngày 25/04/2016, số 1737/QĐ-UBND ngày 23/5/2016, số 1895/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh. Ban GPMB tỉnh đã sử dụng kinh phí theo đúng dự toán giao. Số liệu kiểm tra như sau:

DVT : Đồng

STT	Nội dung	Số BCQT	Số Kiểm tra	Chênh lệch (KT-BCQT)
1	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Dự toán được giao (kể cả bổ sung)	1.279.965.000	1.279.965.000	0
3	Thực rút KBNN	1.278.817.000	1.278.817.000	0
4	Kinh phí đề nghị quyết toán	1.278.817.000	1.278.817.000	0
5	Kinh phí chuyển sang năm sau	0	0	0

1.5. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng đối với các dự án trên địa bàn tỉnh:

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cơ bản thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/05/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND tỉnh về việc quy định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng. Số liệu kiểm tra như sau (chi tiết xem Biểu số 3):

a) Các dự án đã hoàn thành và quyết toán:

- Số quyết toán được duyệt theo báo cáo: 745.223.000 đồng.
- Số kiểm tra của thanh tra: 745.223.000 đồng.
- Chênh lệch: 0 đồng.

b) Các dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán:

- Số đề nghị quyết toán theo báo cáo: 485.760.928 đồng.
- Số kiểm tra của thanh tra: 485.760.928 đồng.
- Chênh lệch: 0 đồng.

c) Các dự án đang thực hiện dở dang:

- Chi phí thực hiện năm 2016 theo báo cáo: 446.380.000 đồng.
- Số kiểm tra của thanh tra: 446.380.000 đồng.

- Chênh lệch: 0 đồng.

1.6. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

Số liệu kiểm tra nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số Báo cáo	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Số dư năm trước chuyển sang	-794.153	-794.153	0
2	Số thu trong năm	103.221.458	103.221.458	0
-	Thu từ lãi tiền gửi	16.319.274	16.319.274	0
-	Thu từ bán hồ sơ mời thầu	77.000.000	77.000.000	0
-	Thu từ hoa hồng xe ô tô	9.902.184	9.902.184	0
3	Số chi trong năm	77.868.920	78.978.920	1.110.000
-	Chi từ lãi tiền gửi	868.920	868.920	0
-	Chi từ nguồn thu bán hồ sơ mời thầu	77.000.000	77.110.000	110.000
-	Chi nộp thuế môn bài	0	1.000.000	1.000.000
4	Chênh lệch thu, chi	24.558.385	23.448.385	-1.110.000
-	Chi nộp thuế TNDN từ lãi tiền gửi	2.931.240	2.731.240	-200.000
-	Còn lại:	21.627.145	20.717.145	-910.000
+	Trích 40% chênh lệch thu-chi để tạo nguồn cải cách tiền lương	4.690.000	8.286.858	3.596.858
-	Bổ sung kinh phí hoạt động	16.937.145	12.430.287	-4.506.858

Nguyên nhân chênh lệch (chi tiết xem Biểu số 2):

- Ban GPMB tính kê khai, nộp thiếu thuế GTGT từ nguồn thu bán hồ sơ mời thầu số tiền 110.000 đồng là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng (phải nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 1% trên doanh thu). Ngoài ra, khi bán hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đơn vị chưa thực hiện lập hóa đơn bán hàng là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Khoản 1, Điều 11 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Năm 2016 đơn vị có phát sinh hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa nộp thuế môn bài số tiền 1.000.000 đồng là thực hiện không đúng theo quy định tại Mục 1, Mục 2 Thông tư số 42/2003/TT-BTC ngày 7/5/2003 của Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi Thông tư số 96/2002/TT-BTC ngày 24/10/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc điều chỉnh mức thuế môn bài.

- Trích thiếu kinh phí cải cách tiền lương số tiền 3.596.858 đồng là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 103/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn, phương thức

chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 47/2016/ND-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ.

1.7. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn cải cách tiền lương:

Số liệu nguồn cải cách tiền lương qua kiểm tra như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số Báo cáo	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Kinh phí CCTL năm trước chuyển sang	489.000.000	489.000.000	0
2	Kinh phí CCTL bổ sung trong năm	54.628.000	58.224.858	3.596.858
3	Kinh phí CCTL đề nghị quyết toán	518.435.110	518.435.110	0
4	Kinh phí CCTL chuyển năm sau	25.192.890	28.789.748	3.596.858

Nguyên nhân chênh lệch (chi tiết xem Biểu số 5):

Kinh phí cải cách tiền lương bổ sung trong năm: tăng số tiền 3.596.858 đồng là do qua kiểm tra xác định số phải trích thêm từ chênh lệch thu chi hoạt động sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương như đã nêu ở Mục 1.6, Phần 2 của kết quả thanh tra.

1.8. Thanh tra việc trích lập và sử dụng các quỹ:

Số liệu của việc trích lập và sử dụng các quỹ qua kiểm tra như sau:

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Số Báo cáo	Số Kiểm tra	Chênh lệch
1	Số dư năm trước chuyển sang	23.439.047	23.439.047	0
-	Quỹ khen thưởng	20.118.000	20.118.000	0
-	Quỹ phúc lợi	3.321.047	3.321.047	0
2	Số trích lập trong năm	40.000.000	241.253.000	201.253.000
-	Quỹ khen thưởng	20.000.000	20.000.000	0
-	Quỹ phúc lợi	20.000.000	221.253.000	201.253.000
3	Số chi trong năm	23.118.000	224.371.000	201.253.000
-	Quỹ khen thưởng	20.118.000	20.118.000	0
-	Quỹ phúc lợi	3.000.000	204.253.000	201.253.000
4	Số dư chuyển năm sau	40.321.047	40.321.047	0
-	Quỹ khen thưởng	20.000.000	20.000.000	0
-	Quỹ phúc lợi	20.321.047	20.321.047	0

Nguyên nhân chênh lệch (chi tiết xem Biểu số 6):

Số trích lập quỹ phúc lợi và sử dụng quỹ phúc lợi trong năm 2016 (-) 201.253.000 đồng: Điều chỉnh giảm chi nguồn khoán chi thường xuyên để tăng thu-chi quỹ phúc lợi cho phù hợp tính chất nguồn và đúng với Nghị định số 43/2006 ND-CP (như đã phân tích tại Điểm 1.3, Phần 2 nêu trên).

1.9. Thanh tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước:

Số liệu kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước như sau:

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Số báo cáo	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Số thuế phải nộp năm trước	0	0	0
2	Số thuế phát sinh năm 2016	4.008.115	4.918.115	910.000
3	Số thuế đã nộp	4.008.115	4.008.115	0
4	Số thuế còn phải nộp	0	910.000	910.000

Nguyên nhân chênh lệch (chi tiết xem Biểu số 7):

Số thuế còn phải nộp năm 2016: (+) 910.000 đồng là do: Tăng số thuế môn bài phải nộp số tiền 1.000.000 đồng và thuế GTGT số tiền 110.000 đồng; giảm số thuế TNDN phải nộp số tiền 200.000 đồng như đã nêu ở Mục 1.6, Phần 2 của kết quả thanh tra.

1.10. Thanh tra việc chi thu nhập tăng thêm:

Năm 2016, Ban GPMB tỉnh đã chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, viên chức theo phương án chi trả thu nhập tăng thêm được quy định tại Khoản 5, Điều 1 của Quy chế chi tiêu nội bộ với số tiền 89.660.000 đồng (bình quân 300.000 đồng/người/tháng) từ nguồn NSNN cấp để thực hiện chế độ tự chủ về tài chính, với hệ số tăng thêm là 0,07 lần so với quỹ tiền lương cấp bậc, chức vụ trong năm của đơn vị.

2. Thanh tra việc quản lý tài chính dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Theo Báo cáo của Ban GPMB, hiện nay Ban đang quản lý 25 dự án, trong đó có 15 dự án có phát sinh số liệu. Trong số 15 dự án này có 01 dự án được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán (Dự án Tuyển Quốc lộ 19 - đoạn Càng Quy Nhơn đến giao QL. 1), Đoàn thanh tra Sở Tài chính chỉ thanh tra 14 dự án còn lại.

2.1. Hồ sơ, thủ tục pháp lý:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 21/8/2015 thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng các dự án do Ban GPMB tỉnh thực hiện. Tùy theo dự án, Hội đồng ra Quyết định thành lập Tổ công tác để giúp việc cho Hội đồng thực hiện nhiệm vụ được giao.

Sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do Tổ công tác lập được Hội đồng thông qua, Ban GPMB tỉnh hoàn chỉnh phương án trình UBND tỉnh phê duyệt (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định).

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt và các quy định hiện hành, Ban GPMB tỉnh tổ chức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện quyết toán khi dự án hoàn thành theo quy định.

Nhìn chung các hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan việc xây dựng, thực hiện và quyết toán Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lập theo quy định, đảm bảo trình tự. Tuy nhiên cần phải sắp xếp ngăn nắp, đầy đủ trong hồ sơ một dự án bao gồm: các văn bản, tài liệu liên quan dự án, hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ tài chính của dự án

để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý và phục vụ kịp thời cho công tác kiểm tra, kiểm soát. Ngoài ra, trong nội dung Phương án cũng còn một số thiếu sót trong việc tính toán bồi thường, hỗ trợ như sau:

a) Trong công tác tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với nhà, tài sản gắn liền với đất thuộc Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh, Tổ công tác xác định % giá trị còn lại của tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc chưa thực hiện theo Điểm b, Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND và Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ mà lại áp dụng Điểm c, Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND là chưa đúng quy định, dẫn đến việc xác định % giá trị còn lại của tài sản là nhà cửa trong Phương án bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất của Xi nghiệp Chế biến lâm sản PISICO để giao đất cho DNTN TM Quốc Tú chưa nhất quán, cụ thể như sau:

- Tổ công tác xác nhận tại Biên bản họp Hội đồng ngày 15/10/2015: "*Nhà xưởng, vật kiến trúc: chất lượng còn lại 40% vì Xi nghiệp sử dụng từ năm 1996*". Tuy nhiên, sau khi có Thông báo số 35/TB-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh, Tổ công tác xác định lại giá trị còn lại là 50% (thay đổi tăng thêm 10%) theo Biên bản ngày 24/3/2016.

- Đoàn thanh tra căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND, giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại xác định theo công thức:

$$T_{gt} = G_1 - \frac{G_1}{T} \times T_1$$

Trong đó:

T_{gt}: Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại;

G₁: Giá trị xây mới nhà, công trình bị thiệt hại có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương: Áp theo giá trị tại bảng giá ban hành kèm theo Quyết định số 41/2013/QĐ-UBND ngày 16/12/2013;

T₁: Thời gian mà nhà, công trình bị thiệt hại đã qua sử dụng: Tính bằng thời điểm tính bồi thường, hỗ trợ trừ thời điểm xây dựng hoàn thành đưa nhà, công trình bị thiệt hại vào sử dụng. Đối với dự án này thì T₁ = 2016 - 1996 = 20 năm.

T: Thời gian khấu hao đối với nhà, công trình bị thiệt hại áp dụng các văn bản sau để xác định: Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng trong đó có quy định phân cấp công trình và niên hạn sử dụng (nay được điều chỉnh, bổ sung bằng Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016); Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng NSNN; Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định đối với doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Như vậy nhà xưởng, vật kiến trúc của Phương án này được xác định thuộc công trình cấp III, niên hạn sử dụng là T = 25 năm. Do đó, chất lượng % còn lại:

$$T_{gt} = G_1 - \frac{G_1}{25} \times 20 = G_1 \times 20\%$$

b) Sử dụng một số hồ sơ dự toán công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để làm căn cứ định giá giá trị bồi thường, hỗ trợ; khi tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ đã không loại trừ diện tích đất đã được giao, cho thuê trước theo quy định; áp dụng văn bản, chế độ, chính sách đã hết hiệu lực trong khi văn bản, chế độ chính sách đó đã được thay thế, điều chỉnh, bổ sung;

c) Ngoài ra chưa xử lý, khấu trừ tổn thất, thiệt hại phát sinh khi thu hồi đất do đối tượng được giao, cho thuê đất gây ra vì sử dụng đất sai mục đích trong thời gian được giao, cho thuê đất.

2.2. Về số liệu: (Chi tiết xem Biểu số 8).

Kết quả kiểm tra hồ sơ 14 Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư như sau:

- Tổng giá trị được duyệt: 135.481.034.964 đồng, trong đó:
 - + Vốn NSNN: 86.578.812.338 đồng.
 - + Vốn đối ứng của nhà đầu tư: 48.902.222.626 đồng.
 - Tổng giá trị đã thanh toán (thực hiện): 131.235.384.528 đồng, trong đó:
 - + Vốn NSNN: 82.445.949.600 đồng.
 - + Vốn đối ứng của nhà đầu tư: 48.789.434.928 đồng.
 - Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số thực hiện: -190.605.000 đồng.
- Cụ thể:

2.2.1. Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ:

- Tổng giá trị được duyệt: 127.838.665.964 đồng, trong đó:
 - + Vốn NSNN: 78.936.443.338 đồng.
 - + Vốn đối ứng của nhà đầu tư: 48.902.222.626 đồng.
- Tổng giá trị đã thanh toán (thực hiện): 125.461.646.528 đồng, trong đó:
 - + Vốn NSNN: 76.672.211.600 đồng.
 - + Vốn đối ứng của nhà đầu tư: 48.789.434.928 đồng.
- Chênh lệch giữa số kiểm tra so với số thực hiện: -190.605.000 đồng.

Nguyên nhân cụ thể như sau:

a) Phương án theo Quyết định số 4262/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh về bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất Xi nghiệp Chế biến Lâm sản PISICO, trong đó Dự toán chi phí xây lắp công trình đường dây 22KV & TBA 630KVA-22 0,4KV của Xi nghiệp Chế biến Lâm sản PISICO do Công ty TNHH TM & XD Hưng Việt lập ngày 15/9/2015 chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định là chưa thực hiện đúng quy định về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng theo Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh.

b) Phương án theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 08/3/2016 của UBND tỉnh về Khu nuôi tôm công nghệ cao Mỹ Thành, Phù Mỹ, trong đó chênh lệch giảm 58.285.000 đồng, tương ứng đối với diện tích đất rừng sản xuất 62.590,9 m² do đã cho thuê trước (bàn giao đất trước) khi lập Phương án, cụ thể:

- Giảm 57.142.000 đồng: Theo biên bản của Hội đồng làm việc xác định diện tích đất rừng sản xuất ngày 24/2/2016, Tổ công tác xác nhận: trong 573.014 m² (57,3 ha) đất hỗ trợ đền bù đất rừng sản xuất có 62.590,9 m² đã cho Cty thuê (Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 28/8/2015) gồm:

+ Tại thửa số 8, diện tích xin giao đất: 184.175,4 m² đất rừng sản xuất trong đó đã cho thuê 9.681,9 m²;

+ Tại thửa số 10, diện tích xin giao đất: 52.909,0 m² đất rừng sản xuất trong đó đã cho thuê 52.909,0 m².

Căn cứ Điều 53 Luật Đất đai năm 2013: "*Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng*". Do đó 62.590,9 m² (6,259 ha) đã cho thuê được Tổ công tác đưa vào tính giá trị bồi thường của phương án là trùng lặp, vì vậy kinh phí giảm tương ứng là 57.142.000 đồng.

- Giảm 1.143.000 đồng chi phí 2% tương ứng.

c) Phương án theo Quyết định số 2254/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của UBND tỉnh về Khu Du lịch - Dịch vụ 04 sao Ánh Vỹ, trong đó Dự toán xây lắp công trình đường dây 22KV & TBA 160KVA-22/0,4KV của Trung tâm GDTX Bình Định do Cty TNHH Kỹ nghệ năng lượng lập năm 2016 chưa được cơ quan thẩm quyền thẩm định là chưa thực hiện đúng quy định về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng.

d) Phương án theo Quyết định số 3311/QĐ-UBND ngày 23/9/2015 của UBND tỉnh về GPMB Khu kho bãi tập trung tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, chênh lệch tăng 10.098.000 đồng, trong đó:

- Tăng 9.900.000 đồng: Tổ công tác áp dụng văn bản đã hết hiệu lực để tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ đất ở, tái định cư cho hộ Bà Võ Thị Mỹ Ngọc (hộ duy nhất bị thu hồi đất ở trong Phương án). Cụ thể:

+ Ngày 01/9/2015 Hội đồng lập biên bản họp thông qua việc bồi thường, hỗ trợ đất ở cho 01 hộ dân (duy nhất) bị thiệt hại do GPMB để xây dựng công trình Khu kho bãi tập trung tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, Hội đồng căn cứ Điều a, Khoản 2, Điều 4 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh tính giá trị bồi thường, hỗ trợ 198 m² của hộ Bà Ngọc bị thu hồi gồm: Tiền bồi thường đất ở: 198 m² x 2.250.000 đồng/m² = 445.500.000 đồng và tiền hỗ trợ thêm do trên địa bàn xã không còn quỹ đất bố trí tái định cư: 198 m² x 2.250.000 đồng/m² x 40% = 178.200.000 đồng. Trên cơ sở đó Ban GPMB lập Tờ trình số 16/TTr-GPMB ngày 24/9/2015 trình UBND tỉnh và được phê duyệt tại Quyết định số 4256/QĐ-UBND ngày 25/10/2015. Tuy nhiên trước khi Ban GPMB lập Tờ trình số 16/TTr-GPMB ngày 24/9/2015 trình UBND tỉnh thì ngày 17/7/2015 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND đã hết hiệu lực (hết hiệu lực hơn 02 tháng) và được thay thế bằng Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015.

+ Căn cứ Điều 12 và Điều 42 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND: xét thực trạng, tình hình sử dụng 198 m² đất của bà Ngọc bị thu hồi được xác lập tại Biên

bản họp Hội đồng ngày 01/9/2015 thì hộ bà Ngọc chỉ được tiền bồi thường đất ở là:

$$BT = S \times G_{34} = 633.600.000 \text{ đồng}$$

($S = 198 \text{ m}^2$ là diện tích đất bồi thường; $G_{34} = 3.200.000$ đồng/ m^2 là giá đất ban hành theo Quyết định số 2914/QĐ-UB ngày 29/8/2014 của UBND tỉnh quy định giá đất cụ thể để phục vụ cho công tác bồi thường GPMB dự án QL 19 có đi qua địa bàn xã Nhơn Tân).

+ Về tiền hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu với số tiền bồi thường về đất ở nếu không có đất để bố trí tái định cư (trường hợp này không có chênh lệch) không được hỗ trợ 40% như trên.

+ Chênh lệch giữa hai cách tính:

$$633.600.000 - (445.500.000 + 178.200.000) = 9.900.000 \text{ đồng.}$$

- Theo đó kinh phí tổ chức thực hiện Phương án tăng 198.000 đồng chi phí 2% tương ứng.

c) Phương án theo Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh về GPMB nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D (đoạn từ ngã ba Phú Tài đến ngã ba Long Vân), trong đó việc bồi thường, hỗ trợ tài sản trên Thửa đất 243, Tờ bản đồ số 1. Chênh lệch 142.418.000 đồng (Phương án bồi thường này do Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất trước đây lập), trong đó:

e.1) Sơ lược về việc giao, cấp thửa đất 243, Tờ bản đồ số 1:

Theo Biên bản họp Hội đồng ngày 13/8/2014 về Thửa đất 243, Tờ bản đồ số 1. Hội đồng xác nhận: "Ngày 13/9/1980 UBND tỉnh Nghĩa Bình ra Quyết định 1034/QĐ-UB cấp đất cho Ban kiến thiết Nhà máy nước Quy Nhơn (thuộc Nhà máy nước Quy Nhơn) để xây Trạm tăng áp"; theo đó, ông Huỳnh Bá Ngọc được Nhà máy nước cho thuê nhà để ở trên Thửa đất này từ tháng 8/1986, trong đó tài sản trên đất gồm: Tầng 1 có diện tích 55,35 m^2 và phần mái ngói 44,1 m^2 ; các hạng mục khác do ông Ngọc tự đầu tư nâng cấp từ tháng 9/2005 nhưng không được sự chấp nhận của Công ty.

(Tóm tắt quá trình đổi tên Nhà máy nước Quy Nhơn: Nhà máy nước Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định ngày 23/12/1976 của UBND tỉnh Nghĩa Bình, ngày 28/12/1992 được đổi thành tên Công ty Cấp nước Bình Định, ngày 23/09/1996 được đổi thành tên Công ty Cấp thoát nước Bình Định, ngày 01/07/2010 được đổi thành tên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định và ngày 01/4/2015 được đổi thành tên Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định).

e.2) Các quy định của Nhà nước ban hành tại thời điểm thực hiện bồi thường, hỗ trợ: Luật Đất đai 2003; Nghị định số 197/2004 ND-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 50/2012 QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

e.3) Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất tỉnh đã bồi thường, hỗ trợ là 316.459.000 đồng.

e.4) Kết quả thanh tra xác định lại như sau:

* Tài sản gắn liền với đất được bồi thường, hỗ trợ bao gồm:

+ Tầng 1 và phần mái ngói: là tài sản Nhà nước giao cho Ban kiến thiết Nhà máy nước Quy Nhơn quản lý, sử dụng.

+ Tầng 2 và khu vệ sinh: do Ông Ngọc tự xây dựng tháng 9/2005 không được phép của Công ty Cấp nước Bình Định.

* Giá trị bồi thường, hỗ trợ:

- Ngân sách nhà nước đảm bảo 175.068.000 đồng bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định, cụ thể:

+ Tầng 1 và phần mái ngói: xây dựng trước 1986 có nguồn gốc từ NSNN là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, được Nhà nước giao cho Công ty quản lý, sử dụng. Khi bồi thường không thuộc Điều 25 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP; không thuộc hạng mục quy định tại Điều 23 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND; đồng thời có thời gian sử dụng từ năm 1986 đến năm 2014 là 28 năm đã hết thời gian khấu hao nên không còn giá trị bồi thường, vì vậy giá trị bồi thường phần tài sản này = 0 đồng.

+ Tầng 2 và khu vệ sinh: Tổ công tác GPMB xác nhận % chất lượng còn lại là 42% là do tính tỷ lệ chung cả phần tầng 1 và mái ngói đã hết thời gian sử dụng. Tuy nhiên, để giảm thiểu thiệt hại cho Công ty, vận dụng Khoản 2, Điều 19 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP tính toán hỗ trợ bồi thường cho phần tài sản này như sau:

Thời gian sử dụng từ năm 2005 đến năm 2014 là 9 năm, thời gian khấu hao đối với nhà cấp 4 theo quy định là 25 năm nên tỷ lệ giá trị % còn lại: $(1-9/25)\% = 64\%$, giá trị bồi thường, hỗ trợ được xác định theo công thức:

$Tgt = Gx64\%(1+10\%)+Gk = 181.676.098x64\%(1+10\%)+47.168.270 = 175.068.237$ đồng (Làm tròn: 175.068.000 đồng).

(Trong đó: G: giá xây mới tầng 2 + khu vệ sinh: $55,35 \text{ m}^2 \times 2.539.000 + (43.672.111 - 2.529.672) = 181.676.098$ đồng; Gk: giá tài sản còn lại khác (cây cối hoa màu + công đào ao: $44.638.598 + 2.529.672$ đồng = 47.168.270 đồng).

- Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định phải sử dụng kinh phí hợp pháp của mình để bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Bá Ngọc 311.600.000 đồng, lý do:

Mục đích nhà nước cấp Thửa đất 243. Từ ban đồ số 1 nêu trên là để xây Trạm tăng áp, nhưng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Định đã cho ông Ngọc thuê nhà để ở trên Thửa đất 243 là sử dụng đất không đúng mục đích, do đó Công ty phải sử dụng nguồn kinh phí hợp pháp của mình để hỗ trợ, bồi thường cho ông Ngọc là 311.600.000 đồng, cụ thể:

Ông Ngọc thuê nhà để ở trên Thửa đất 243 từ tháng 8/1986 là thuê nhà của Ban kiến thiết Nhà máy nước Quy Nhơn. Thời điểm này về pháp lý nhà Ông Ngọc thuê để ở là thuộc sở hữu Nhà nước, đến tháng 5/1994 Công ty chấm dứt hợp đồng, không cho Ông Ngọc thuê, nhưng không bố trí cho thuê chỗ ở khác. Như vậy, căn cứ Điều 20 Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND thì ông Ngọc được hỗ trợ 60% giá trị nhà - đất đang thuê theo diện tích ghi trong hợp đồng để ông Ngọc tự lo chỗ ở (tầng 1 và phần mái ngói là tài sản ký trong hợp đồng thuê nhà) như sau: $(205.669.463 - 20.566.946) \times 60\% = 264.432.167$ đồng và bồi thường khoản cây cối, hoa màu.

công đào ao: 47.168.270 đồng, tổng cộng: 311.600.437 đồng (làm tròn: 311.600.000 đồng), riêng đối với phần tầng 2 và khu vệ sinh, ông Ngọc tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp sau ngày 01/7/2004 nên không được bồi thường.

* Tóm lại, kinh phí bồi thường, hỗ trợ trên Thửa đất 243, Tờ bản đồ số 1 được xác định:

- Kinh phí của Công ty phải bồi thường, hỗ trợ cho ông Ngọc là 311.600.000 đồng; trong đó:

+ Nguồn ngân sách nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ cho Cty: 175.068.000 đồng;

+ Kinh phí của Công ty phải đảm bảo: 136.532.000 đồng (thực tế, ngân sách nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ thay cho Công ty 136.532.000đ).

- Kinh phí tổ chức thực hiện Phương án giảm 1.027.000 đồng.

- Chênh lệch giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với ông Ngọc giữa Ban GPMB với kết quả thanh tra giảm 4.859.000 đồng (316.459.000 đồng - 311.600.000 đồng).

2.2.2. Đối với công tác tái định cư:

- Giá trị được duyệt: 7.642.369.000 đồng.

- Giá trị đã thực hiện và thanh toán: 5.773.738.000 đồng.

Phương án tái định cư phục vụ dự án Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D được thực hiện từ năm 2013 theo Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 02/02/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng công trình: Khu tái định cư phục vụ dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D giao cho Ban quản lý giải phóng mặt bằng và Phát triển quỹ đất tỉnh làm Chủ đầu tư, nay tổ chức này đã thay đổi, chia, tách chủ thể pháp nhân do đó thống nhất lấy theo số liệu của Ban GPMB tỉnh báo cáo.

2.3. Về công tác thanh quyết toán:

Về cơ bản, việc chi bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo Phương án được duyệt và theo các quy định hiện hành. Tuy nhiên do công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thường phát sinh vướng mắc phải mất thời gian giải quyết nên đã làm cho công tác quyết toán dự án hoàn thành bị kéo dài thời gian. Riêng đối với những dự án đã hoàn thành nhưng chưa thực hiện quyết toán vì còn đang trình duyệt dự toán điều chỉnh hoặc còn đang trả nợ khối lượng như Ban báo cáo, đề nghị Ban GPMB tỉnh khẩn trương xúc tiến quyết toán theo quy định.

PHẦN 3: KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

I. Ưu điểm đạt được và khuyết điểm, tồn tại:

I. Ưu điểm:

- Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh là đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, được UBND tỉnh thành lập để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt

bằng các dự án. Công tác giải phóng mặt bằng là công tác khó khăn, phức tạp nhưng Ban đã có nhiều nỗ lực, cố gắng, chủ động tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng các dự án được thực hiện ngày càng chặt chẽ, theo các quy định hiện hành của Nhà nước. Việc chi kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo phương án được duyệt và theo các quy định hiện hành. Nhìn chung các hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan việc xây dựng, thực hiện và quyết toán phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cơ bản được lập theo quy định, đảm bảo trình tự.

- Việc lập, giao dự toán NSNN năm 2016, việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo quy định; các nguồn kinh phí được sử dụng theo đúng dự toán giao và các quy định hiện hành; công tác quyết toán thu, chi NSNN năm 2016, công tác kế toán, sổ sách, chứng từ... nhìn chung đảm bảo theo quy định, đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chuyên môn. Việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/05/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 01/4/2014 của UBND tỉnh về quy định mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng.

- Đơn vị cũng đã thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ đạt kết quả tốt, tạo ra tinh thần đoàn kết, ý thức tự giác cho người lao động trong việc sử dụng kinh phí và tài sản cơ quan tiết kiệm, hiệu quả. Các nguồn tài chính nhìn chung được quản lý chặt chẽ theo đúng quy định, tạo điều kiện hoàn thành công tác chuyên môn và góp phần tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cán bộ viên chức, người lao động trong cơ quan.

2. Khuyết điểm, tồn tại:

2.1. Trong việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Một số khoản chi của Quy chế chi tiêu nội bộ xây dựng chưa phù hợp, chưa đúng quy định nên đã dẫn đến thiếu sót như:

- Đơn vị đã xây dựng Quy chế và thực hiện chi các khoản chi phúc lợi trực tiếp từ nguồn kinh phí khoán chi, chi trước khi xác định chênh lệch thu, chi hoạt động tài chính là chưa đúng theo quy định tại Khoản 4, Mục VIII của Thông tư số 71/2006/TT-BTC.

- Ban GPMB vận dụng chế độ, chính sách chưa đúng quy định như: chi trợ cấp đi nghiên cứu thực tế cho học viên học trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, hỗ trợ cán bộ, viên chức dự hội nghị....

- Chưa quy định việc xử lý vi phạm đối với các trường hợp khi sử dụng vượt mức khoán, tiêu chuẩn, định mức.

2.2. Trong việc quản lý, sử dụng nguồn NSNN cấp để thực hiện chế độ tự chủ tài chính:

- Các khoản chi có tính phúc lợi phải hạch toán, quyết toán vào Quỹ khen thưởng phúc lợi cơ quan nhưng Ban đã chi và quyết toán trực tiếp vào nguồn kinh phí khoán chi số tiền 201.253.000 đồng như đã nêu tại Điểm 1.3, Phần 2 là chưa đúng quy định.

- Năm 2016, đơn vị có tính toán, xác định số chênh lệch thu chi của hoạt động thường xuyên để chi trả thu nhập tăng thêm và thực hiện trích lập các quỹ nhưng chưa hạch toán, theo dõi vào tài khoản ngoài bảng 004 “chênh lệch thu, chi hoạt động thường xuyên” là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 185/2010/TT-BTC.

2.3. Trong việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp:

- Kế khai, nộp thiếu thuế GTGT từ nguồn thu tiền bán hồ sơ mời thầu 110.000 đồng là thực hiện chưa đúng theo quy định của Thông tư số 219/2013/TT-BTC và khi bán hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, đơn vị cũng chưa thực hiện lập hóa đơn bán hàng theo quy định của Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

- Chưa thực hiện nộp thuế môn bài 1.000.000 đồng là chưa thực hiện theo quy định của Thông tư số 42/2003/TT-BTC.

- Trích chưa đủ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương số tiền 3.596.858 đồng theo quy định của Thông tư số 103/2016/TT-BTC.

2.4. Trong việc quản lý tài chính dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Các hồ sơ, tài liệu, chứng từ liên quan việc xây dựng, thực hiện và quyết toán dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cơ bản đầy đủ, tuy nhiên đơn vị cần phải khắc phục khó khăn về thiếu thốn cơ sở vật chất và nơi làm việc, sắp xếp ngăn nắp, tập trung trong hồ sơ một dự án bao gồm: các văn bản, tài liệu liên quan dự án, hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ tài chính của dự án dễ thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý và phục vụ kịp thời cho công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Việc xác định % giá trị còn lại của tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc không theo Điểm b, Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND và Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ mà áp dụng Điểm c, Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND dẫn đến kết quả xác định % giá trị còn lại của tài sản là nhà cửa chưa nhất quán. Cụ thể trong Phương án bồi thường, hỗ trợ, thu hồi đất của Xí nghiệp Chế biến lâm sản PISICO:

• Theo Điểm b, Khoản 2, Điều 24 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND và theo Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng thì nhà xưởng, vật kiến trúc trong Phương án thuộc công trình cấp III, niên hạn sử dụng là $T = 25$ năm, thực tế đã sử dụng là $T_1 = 20$ năm, do đó chất lượng còn lại là 20%.

• Tổ công tác xác định chất lượng còn lại theo Biên bản họp Hội đồng ngày 15/10/2015 là 40%.

- Sau khi có Thông báo số 35/TB-UBND ngày 29/02/2016 của UBND tỉnh, Tổ công tác xác định lại chất lượng còn lại theo Biên bản ngày 24/3/2016 là 50%.

- Sử dụng dự toán công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để làm căn cứ định giá giá trị bồi thường, hỗ trợ (dự toán công trình đường dây 22KV & TBA 630KVA-22 0.4KV của Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất Xí nghiệp Chế biến Lâm sản PISICO và dự toán công trình đường dây 22KV & TBA 160KVA-22 0.4KV của Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu Du lịch - Dịch vụ 04 sao Ánh Vỹ) là chưa thực hiện theo quy định tại Quyết định số 11/2015/QĐ-

UBND ngày 30/6/2015 của UBND tỉnh quy định về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và thiết kế, dự toán xây dựng.

- Đối với Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu nuôi tôm công nghệ cao Mỹ Thành, Phù Mỹ: Theo hồ sơ của Phương án, trong 573.014 m² đất hỗ trợ đền bù đất rừng sản xuất thì có 62.590,9 m² đất đã cho Công ty cổ phần thủy sản Việt Úc thuê trước khi lập phương án (*do thực hiện Văn bản số 4018/UBND-TH ngày 21/8/2015 của UBND tỉnh*). Tuy nhiên, trong tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của Phương án vẫn tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho cả 62.590,9 m² đất này (tương ứng với số tiền là 58.285.000 đồng) trong khi theo quy định thì đất trước khi giao, cho thuê phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Tại Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Khu kho bãi tập trung tại xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ đất ở, tái định cư cho hộ Bà Võ Thị Mỹ Ngọc được áp dụng theo Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh, Ban GPMB lập Tờ trình số 16/TTr-GPMB ngày 24/9/2015 trình UBND tỉnh và được phê duyệt tại Quyết định số 4256/QĐ-UBND ngày 25/10/2015. Tuy nhiên, Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh có hiệu lực từ ngày 17/7/2015 đã thay thế Quyết định số 50/2012/QĐ-UBND nên việc Ban GPMB áp dụng văn bản cũ để tính toán giá trị bồi thường, hỗ trợ đất ở, tái định cư và giải trình là đã vận dụng áp dụng Khoản 2 Điều 53 Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND là chưa phù hợp quy định.

- Trong Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1D có bồi thường, hỗ trợ tài sản bị thiệt hại do GPMB trên Thửa đất 243, Tờ bản đồ số 1. Thửa đất này được UBND tỉnh Nghĩa Bình cấp cho Ban kiến thiết Nhà máy nước Quy Nhơn (thuộc Nhà máy nước Quy Nhơn) để xây Trạm tăng áp theo Quyết định số 1034/QĐ-UB ngày 13/9/1980 nhưng Nhà máy nước Quy Nhơn đã cho Ông Huỳnh Bá Ngọc thuê nhà để ở là sử dụng nhà đất không đúng mục đích. Tuy nhiên trong Phương án đã không nêu rõ nội dung Nhà máy nước Quy Nhơn đã sử dụng nhà đất không đúng mục đích và trong giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản bị thiệt hại do GPMB trên Thửa đất 243, Tờ bản đồ số 1 cũng chưa phân định rõ nguồn kinh phí do NSNN đảm bảo và phần kinh phí của Nhà máy nước Quy Nhơn phải đảm bảo vì sử dụng nhà, đất không đúng mục đích.

- Một số dự án đã hoàn thành nhưng chưa thực hiện quyết toán theo quy định Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Tóm lại, kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2016 tại Ban GPMB tỉnh cho thấy đơn vị về cơ bản đã thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, ngân sách góp phần hoàn thành nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, GPMB được UBND tỉnh giao, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các dự án đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn những thiếu sót, khuyết điểm như đã nêu trên mà nguyên nhân chủ yếu là do quá trình thực hiện GPMB kéo dài, trong khi đó chính sách bồi thường của Nhà nước có sự thay đổi; mặt khác, chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ cũng còn hạn chế.

việc áp dụng các chế độ, chính sách chưa thật đầy đủ, chặt chẽ. Trách nhiệm để xảy ra những khuyết điểm này thuộc về lãnh đạo Ban, Hội đồng bồi thường và những cán bộ tài chính kế toán, cán bộ làm công tác giải phóng mặt bằng có liên quan (kể cả Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất trước đây).

II. Kiến nghị:

1. Đối với Ban GPMB tỉnh Bình Định:

1.1. Trong việc quản lý kinh phí phục vụ hoạt động Ban:

- Tiến hành điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ theo đúng quy định Nhà nước, phù hợp với đặc điểm, thực tế của đơn vị, đảm bảo thuận lợi cho hoạt động cơ quan cũng như trong việc thực hiện Quy chế, góp phần hoàn thành nhiệm vụ và quản lý, sử dụng chặt chẽ, hiệu quả tài chính, ngân sách để áp dụng trong thời gian đến.

- Đối với những khoản chi phúc lợi cơ quan, đơn vị chi sai tính chất nguồn kinh phí tương ứng với số tiền: 201.253.000 đồng, đề nghị đơn vị rút kinh nghiệm. Trong thời gian đến, nếu có phát sinh các khoản chi phúc lợi thì chi và hạch toán, quyết toán vào Quỹ khen thưởng phúc lợi cơ quan đúng quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC.

- Trích bổ sung số tiền 3.596.858 đồng từ chênh lệch thu, chi hoạt động sự nghiệp để tạo nguồn cải cách tiền lương và quản lý, sử dụng theo quy định.

- Về việc hạch toán, mặc dù có tính toán, xác định chênh lệch thu, chi hoạt động thường xuyên để chi trả thu nhập tăng thêm và thực hiện trích lập các quỹ nhưng chưa hạch toán vào tài khoản ngoài bảng 004 "chênh lệch thu, chi hoạt động thường xuyên" để theo dõi là chưa thực hiện đúng Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. Đề nghị đơn vị rút kinh nghiệm, thực hiện hạch toán đúng quy định.

- Đề nghị đơn vị thực hiện xuất hóa đơn cho khách hàng theo quy định khi có phát sinh hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

- Ban GPMB tỉnh có trách nhiệm nộp vào tài khoản tạm giữ của Số Tài chính mở tại Kho bạc nhà nước Bình Định (TK: 3941.0.9040261.00000, Mã DVQHNS: 9040261) số tiền: 910.000 đồng do chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế theo quy định.

1.2. Trong việc quản lý tài chính dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Cung cố công tác lưu trữ hồ sơ, sắp xếp ngăn nắp, tập trung trong hồ sơ một dự án bao gồm: các văn bản, tài liệu liên quan dự án, hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ tài chính của dự án để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý và phục vụ kịp thời cho công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Đề nghị đơn vị khẩn trương bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ các dự án đã hoàn thành, tiến hành quyết toán theo đúng quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Đối với các dự toán công trình chưa được cơ quan có thẩm quyền thẩm định như Dự toán hỗ trợ chi phí xây mới công trình đường dây 22KV & TBA 630KVA-22 0.4KV của Xi nghiệp Chế biến Lâm sản PISICO và Dự toán công trình đường dây

22KV & TBA 160KVA-22/0,4KV của Trung tâm GDTX Bình Định đề nghị Ban Giải phóng mặt bằng phải tổ chức rút kinh nghiệm, chấm dứt tình trạng việc lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong thời gian đến không đảm bảo trình tự, thủ tục.

- Rút kinh nghiệm, chấm dứt việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật đã hết hiệu lực và việc không loại trừ giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã được giao, cho thuê trước lập dự án.

- Đối với việc tính toán bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Bá Ngọc thuê nhà trên Thửa đất số 243, Tờ bản đồ số 1 (Trạm tăng áp):

+ Không kiến nghị thu hồi phần kinh phí do ngân sách nhà nước trả thay cho Nhà máy nước Quy Nhơn là 136.532.000 đồng, vì hiện tại Nhà máy nước Quy Nhơn đã chuyển đổi chủ sở hữu thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, nhưng Ban Giải phóng mặt bằng và Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh phải tổ chức rút kinh nghiệm khi lập dự án phải phân định rõ nguồn kinh phí đền bù đối với các dự án tương tự.

+ Không kiến nghị thu hồi đối với việc tính toán vượt 4.859.000 đồng và kinh phí tổ chức thực hiện Phương án giảm 1.027.000 nhưng Ban Giải phóng mặt bằng phải tổ chức rút kinh nghiệm trong việc tính toán kinh phí phải chính xác.

1.3. Chỉ đạo cán bộ tài chính kế toán, cán bộ giải phóng mặt bằng phải thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, nắm vững chế độ, chính sách nhằm thực hiện tốt chức năng tham mưu trong quản lý tài chính, ngân sách, trong triển khai thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1.4. Tổ chức họp rút kinh nghiệm những tồn tại, khuyết điểm, làm rõ trách nhiệm cá nhân, có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục và chấm dứt những tồn tại, khuyết điểm mà Kết luận thanh tra đã chỉ ra, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng trong thời gian đến.

1.5. Thông qua việc thanh tra tại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, Sở Tài chính nhận thấy Điểm b và Điểm c, Khoản 2, Điều 24 của Quy định kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (gọi tắt là Quyết định) còn vướng mắc, không hợp lý khi áp dụng vào thực tế, nhất là đối với nhà, công trình đã hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Ví dụ: Xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ 02 ngôi nhà A và ngôi nhà B có diện tích, kết cấu tương đương; khấu hao còn lại của ngôi nhà A là $> 0\%$ và ngôi nhà B $< 0\%$, cả 02 ngôi nhà vẫn còn đang sử dụng. Theo đó thì việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ ngôi nhà A phải cao hơn ngôi nhà B.

Tuy nhiên, theo Khoản 2, Điều 24 của Quyết định thì ngôi nhà B được áp dụng theo điểm c, Khoản 2, Điều 24, khi đó ngôi nhà B được hội đồng bồi thường, đền bù đánh giá chất lượng thực tế ngôi nhà B $> 0\%$, dẫn đến xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ngôi nhà B cao hơn ngôi nhà A là không hợp lý.

Thực tế, Ban Giải phóng mặt bằng đều áp dụng việc xác nhận tỷ lệ % giá trị tài sản còn lại theo Điểm c, Điều 24 đều có giá trị lớn hơn 30%, nên dẫn đến việc xác

định giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các ngôi nhà đã hết khấu hao (vẫn đang sử dụng) cao hơn các ngôi nhà chưa hết khấu hao.

Vì vậy, đề nghị Ban Giải phóng mặt bằng rà soát Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND và các Quy định khác có liên quan để báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh những nội dung liên quan đến chế độ, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của địa phương còn bất cập, không phù hợp với thực tiễn (nếu có).

Trong thời gian đến, đề nghị Ban Giải phóng mặt bằng chỉ thực hiện giao đất, cho thuê đất sau khi đất đã thực hiện xong công tác bồi thường GPMB.

1.6. Công khai Kết luận thanh tra theo quy định.

1.7. Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra bằng văn bản (phải sao kèm theo các chứng từ nộp tiền và các văn bản, tài liệu khác để chứng minh) gửi cho Sở Tài chính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

2. Đối với Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định:

Không kiến nghị thu hồi phần kinh phí do ngân sách nhà nước trả thay cho Nhà máy nước là 136.532.000 đồng (311.600.000 đồng - 175.068.000 đồng) đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ cho ông Huỳnh Bá Ngọc thuê nhà trên Thửa đất số 243, Tờ bản đồ số 1 (Trạm tăng áp) thay cho Công ty vì nay Công ty đã chuyển đổi chủ sở hữu thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, nhưng Công ty phải rút kinh nghiệm khi Nhà nước cho thuê đất phải sử dụng đúng mục đích.

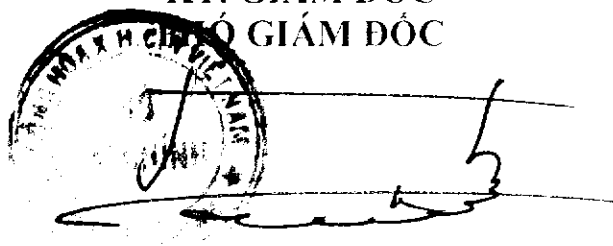
Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách năm 2016 tại Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định, đề nghị Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh và các cơ quan, đơn vị được kiến nghị nêu trên tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài chính theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ. *Lưu*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (BC);
- Ban GPMB tỉnh;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất (thuộc Sở TN&MT);
- Cty CP Cấp thoát nước Bình Định;
- Thanh tra tỉnh;
- PGD Sở Tài chính: Nguyễn Văn Hưng;
- Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, CTTra, Đoàn Tra.

Lưu

KT. GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH
NGUYỄN VĂN HƯNG



Nguyễn Văn Hưng

